

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

TÀI SẢN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.524.764.960.813</b>	<b>1.412.998.560.904</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	141.254.547.544	46.548.089.328
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	240.625.754.419	198.663.624.959
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	417.890.220.545	419.056.123.819
IV. Hàng tồn kho	722.974.833.860	737.231.226.953
V. Tài sản ngắn hạn khác	2.019.604.445	11.499.495.845
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>190.591.667.898</b>	<b>177.992.768.469</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	2.167.151.526	2.281.160.820
II. Tài sản cố định	94.609.208.062	102.807.476.706
1. Tài sản cố định hữu hình	88.113.069.115	96.442.324.418
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	6.496.138.947	6.365.152.288
III. Bất động sản đầu tư	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	591.803.234	613.780.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	64.134.609.114	35.904.790.933
VI. Tài sản dài hạn khác	29.088.895.962	36.385.560.010
VII. Lợi thế thương mại	19.906.013.498	23.178.234.895
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.715.356.628.711</b>	<b>1.590.991.329.373</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.285.513.920.303</b>	<b>1.189.350.082.750</b>
I. Nợ ngắn hạn	1.263.455.968.636	1.187.854.744.156
II. Nợ dài hạn	22.057.951.667	1.495.338.594
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>429.842.708.408</b>	<b>401.641.246.623</b>
I. Vốn chủ sở hữu	429.842.708.408	401.641.246.623
1. Vốn góp của chủ sở hữu	341.777.690.000	316.465.410.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	5.348.010.000	5.348.010.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	9.827.781.376	8.570.273.947
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	53.078.021.293	52.365.799.875
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	19.811.225.739	18.891.772.801
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
1. Nguồn kinh phí	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.715.356.628.711</b>	<b>1.590.991.329.373</b>

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Quý 4 năm nay	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	587.912.710.778	2.742.903.014.413
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	7.359.605.878	20.533.806.823
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>580.553.104.900</b>	<b>2.722.369.207.590</b>
4. Giá vốn hàng bán	532.293.937.011	2.437.801.271.435
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>48.259.167.889</b>	<b>284.567.936.155</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	10.297.220.935	29.729.640.117
7. Chi phí tài chính	21.192.143.423	80.245.734.245
- Trong đó: Chi phí lãi vay	18.102.167.941	66.485.256.716
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	2.904.073.762	229.818.181
9. Chi phí bán hàng	31.554.929.386	158.580.070.619
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.924.759.671	37.915.793.032
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>5.788.630.106</b>	<b>37.785.796.557</b>
12. Thu nhập khác	(2.790.142.403)	1.103.401.433
13. Chi phí khác	390.411.142	2.394.840.764
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>(3.180.553.545)</b>	<b>(1.291.439.331)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.608.076.561</b>	<b>36.494.357.226</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	858.090.131	8.693.916.550
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(591.619.977)	(4.024.081)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.341.606.407</b>	<b>27.804.464.757</b>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	1.887.879.627	27.785.011.819
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	453.726.780	19.452.938
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	67	797
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-

Kế toán trưởng

  
Trịnh Thị Phương



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.540.764.960.813</b>	<b>1.412.998.560.904</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>141.254.547.544</b>	<b>46.548.089.328</b>
1. Tiền	111		21.254.547.544	16.548.089.328
2. Các khoản tương đương tiền	112		120.000.000.000	30.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>256.625.754.419</b>	<b>198.663.624.959</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2 a	256.625.754.419	198.663.624.959
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>417.890.220.545</b>	<b>419.056.123.819</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	331.965.842.691	384.435.061.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	37.778.965.499	13.547.258.566
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	35.096.000.000	20.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	17.739.234.009	5.151.625.759
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.689.821.654)	(4.677.821.713)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>722.974.833.860</b>	<b>737.231.226.953</b>
1. Hàng tồn kho	141		727.147.095.534	740.401.658.350
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.172.261.674)	(3.170.431.397)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.019.604.445</b>	<b>11.499.495.845</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8 a	1.978.526.654	5.424.438.603
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	6.034.350.194
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		41.077.791	40.707.048
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>174.591.667.898</b>	<b>177.992.768.469</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.167.151.526</b>	<b>2.281.160.820</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		2.167.151.526	2.281.160.820
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>94.609.208.062</b>	<b>102.807.476.706</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	88.113.069.115	96.442.324.418
<i>Nguyên giá</i>	222		179.098.245.872	177.184.240.888
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(90.985.176.757)	(80.741.916.470)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.496.138.947	6.365.152.288
<i>Nguyên giá</i>	228		8.687.008.519	7.987.008.519
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.190.869.572)	(1.621.856.231)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>591.803.234</b>	<b>613.780.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	591.803.234	613.780.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2 b</b>	<b>48.134.609.114</b>	<b>35.904.790.933</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		28.134.609.114	15.904.790.933
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		20.000.000.000	20.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>29.088.895.962</b>	<b>36.385.560.010</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8 b	5.534.832.560	9.352.031.088
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		3.648.049.904	3.855.294.027
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.12	19.906.013.498	23.178.234.895
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.715.356.628.711</b>	<b>1.590.991.329.373</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.285.513.920.303</b>	<b>1.189.350.082.750</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.263.455.968.636</b>	<b>1.187.854.744.156</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	77.671.608.545	136.596.419.806
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	13.560.726.623	37.362.995.977
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	18.224.723.278	18.472.544.763
4. Phải trả người lao động	314		4.276.250.817	4.676.334.939
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	7.234.496.823	3.284.778.959
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.320.895.590	2.610.642.825
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	1.137.306.992.519	980.284.289.358
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	556.431.820	3.661.552.972
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.303.842.621	905.184.557
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>22.057.951.667</b>	<b>1.495.338.594</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.23	20.773.881.277	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.284.070.390	1.495.338.594
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>429.842.708.408</b>	<b>401.641.246.623</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>429.842.708.408</b>	<b>401.641.246.623</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		341.777.690.000	316.465.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		341.777.690.000	316.465.410.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.348.010.000	5.348.010.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.827.781.376	8.570.273.947
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.078.021.293	52.365.799.875
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		25.293.009.474	27.910.522.319
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.785.011.819	24.455.277.556
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.811.225.739	18.891.772.801
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.715.356.628.711</b>	<b>1.590.991.329.373</b>

Người lập biểu



Trương Bình Dương

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Phương

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2025



Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		587.912.710.778	550.074.449.642	2.742.903.014.413	2.140.625.746.499
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		7.359.605.878	10.539.119.635	20.533.806.823	22.490.122.188
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	580.553.104.900	539.535.330.007	2.722.369.207.590	2.118.135.624.311
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	532.293.937.011	461.993.880.312	2.437.801.271.435	1.809.730.124.663
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.259.167.889	77.541.449.695	284.567.936.155	308.405.499.648
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.297.220.935	9.242.215.406	29.729.640.117	15.934.966.929
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.192.143.423	22.839.353.669	80.245.734.245	81.927.246.233
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.102.167.941	19.794.718.895	66.485.256.716	75.384.010.583
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.904.073.762	3.529.898.339	229.818.181	209.458.282
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	31.554.929.386	68.206.401.218	158.580.070.619	177.727.264.997
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.924.759.671	13.325.524.341	37.915.793.032	48.861.083.290
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.788.630.106	(14.057.715.788)	37.785.796.557	16.034.330.339
12. Thu nhập khác	31	VI.7	(2.790.142.403)	14.457.811.075	1.103.401.433	17.747.935.208
13. Chi phí khác	32	VI.8	390.411.142	40.228.633	2.394.840.764	1.750.600.479
14. Lợi nhuận khác	40		(3.180.553.545)	14.417.582.442	(1.291.439.331)	15.997.334.729
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.608.076.561	359.866.654	36.494.357.226	32.031.665.068
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	858.090.131	2.229.895.502	8.693.916.550	9.262.265.638
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(591.619.977)	(2.753.103.431)	(4.024.081)	(2.380.749.159)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.341.606.407</u>	<u>883.074.583</u>	<u>27.804.464.757</u>	<u>25.150.148.589</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>1.887.879.627</u>	<u>1.092.237.795</u>	<u>27.785.011.819</u>	<u>24.455.277.556</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>453.726.780</u>	<u>(209.163.212)</u>	<u>19.452.938</u>	<u>694.871.033</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>72</u>	<u>27</u>	<u>853</u>	<u>751</u>

Người lập biểu



Trương Bình Dương

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Phương



Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>						
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		740.484.841.961	997.668.334.518	2.940.863.061.163	3.111.162.334.511
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(681.496.378.213)	(910.386.752.240)	(2.529.260.034.764)	(2.795.904.466.189)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.351.217.367)	(10.441.472.103)	(43.171.926.154)	(47.586.612.600)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(15.689.575.899)	(15.909.305.730)	(64.618.079.760)	(73.154.829.507)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(1.700.000.000)	(9.886.161.629)	(5.837.628.637)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.442.979.350	19.052.354.019	17.943.943.909	23.320.569.554
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(50.954.126.502)	(173.322.559.245)	(299.482.486.428)	(332.405.945.543)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(14.563.476.670)</b>	<b>(95.039.400.781)</b>	<b>12.388.316.337</b>	<b>(120.406.578.411)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.007.500.000)	(1.572.623.963)	(20.675.422.568)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		136.363.636	-	136.363.636	1.813.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(207.735.000.000)	36.298.840.824	(334.443.115.745)	(58.041.641.343)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		214.490.000.000	-	256.914.366.245	97.354.441.343
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-	(12.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.124.444.360	1.448.441.976	15.360.448.545	8.345.736.882
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>10.015.807.996</b>	<b>36.739.782.800</b>	<b>(75.604.561.282)</b>	<b>28.796.205.223</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-	900.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		707.176.424.871	709.438.919.361	2.616.068.927.093	2.112.935.375.206
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(597.912.254.673)	(631.639.053.792)	(2.459.046.223.932)	(2.003.702.933.643)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(13.639.755.272)	-	(15.160.242.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>109.264.170.198</b>	<b>64.160.110.297</b>	<b>157.922.703.161</b>	<b>94.072.199.563</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>104.716.501.524</b>	<b>5.860.492.316</b>	<b>94.706.458.216</b>	<b>2.461.826.375</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>36.538.046.020</b>	<b>11.339.552.989</b>	<b>46.548.089.328</b>	<b>14.738.218.930</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>141.254.547.544</b>	<b>17.200.045.305</b>	<b>141.254.547.544</b>	<b>17.200.045.305</b>

Người lập biểu



Trương Bình Dương

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Phương



Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

TẬP ĐOÀN

NAGAKAWA

T.P. PHÚC YÊN - T. VĨNH

Nguyễn Thị Huyền Thương

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :  
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
  - Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
  - Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
  - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
  - Xây dựng nhà các loại;
  - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
  - Xây dựng công trình công ích;
  - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
  - Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
  - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
  - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị y tế; Mua bán dụng cụ y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
  - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
  - Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
  - Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
  - Sản xuất các cấu kiện kim loại;
  - Sản xuất sắt, thép, gang;
  - Lắp đặt hệ thống điện;
  - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
  - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
  - Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả, kính thuốc);
  - Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
  - Khai thác quặng sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
  - Khai thác và mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
  - Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: cho thuê kho bãi; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
  - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
  - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;
  - Mua bán sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất và mua bán các loại vật tư ngành lạnh; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; Mua

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

bán vải, hàng may sẵn, giày dép; Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:**

Không.

6. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

*Các Công ty con:*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKL</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, lắp đặt hệ thống điều hòa cho các công trình	80%	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	94 Nam Trân, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	52%	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	25 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	Thông Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Đã bắt đầu vận hành và tiếp tục đầu tư xây dựng	97%	97%
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Nagakawa	Số 56, ngõ 92, đường Cầu Bươu, tổ dân phố 15, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, Hà Nội	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	55%	55%

*Các Công ty liên doanh, liên kết:*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKL</i>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Gia công may mặc	48%	48%

*Các đơn vị trực thuộc:*

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của ông ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá**

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết***

###### ***Công ty con***

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

###### ***Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là công ty được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

###### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có. Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<b><u>Loại tài sản cố định</u></b>	<b><u>Số năm</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	05

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

#### **9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Chi phí sửa chữa lớn***

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Lợi thế thương mại***

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

#### **10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### **12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **14. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

##### ***Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa***

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa từ 0.5% - 1% trên bảng trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

#### ***Dự phòng bảo hành công trình xây lắp***

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên bảng trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

### **15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Vốn khác thuộc chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

#### ***Các quỹ khác***

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

### **16. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Tiền lãi***

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### **20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### **21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## 22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp.
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 23. Công cụ tài chính

### i. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **ii. Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.314.848.443	7.690.097.330
Tiền gửi ngân hàng	12.939.699.101	8.857.991.998
Các khoản tương đương tiền	120.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>141.254.547.544</u></b>	<b><u>46.548.089.328</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 2. Đầu tư tài chính

### a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	256.625.754.419	256.625.754.419	198.663.624.959	198.663.624.959
<b>Cộng</b>	<b>256.625.754.419</b>	<b>256.625.754.419</b>	<b>198.663.624.959</b>	<b>198.663.624.959</b>

(\*) Là các sổ tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm tại các ngân hàng:

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội: 34.735.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An: 94.420.546.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long- PGD Lê Trọng Tấn: 37.800.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đồng Đa: 33.512.115.745 VND.

+ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Hoàng Mai: 6.158.092.674 VND.

Các khoản tiền gửi này đang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng trên.  
(Xem thuyết minh V.18)

### b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>28.134.609.114</b>		<b>15.904.790.933</b>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam (*)	48 %	28.134.609.114	48 %	15.904.790.933
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		<b>20.000.000.000</b>		<b>20.000.000.000</b>
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (**)		20.000.000.000		20.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>48.134.609.114</b>		<b>35.904.790.933</b>

(\*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam với tỷ lệ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 48% tương đương với 12.000.000 cổ phần, giá trị 12.000.000.000 VND, đến thời điểm 31 tháng 03 năm 2023, Công ty đã góp đủ 12.000.000.000 VND, trong quý 3 năm 2024 Công ty Cổ phần may KLV tăng vốn điều lệ từ cổ đông hiện hữu lên 25 tỷ, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ góp vốn thêm 12 tỷ. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Giá gốc khoản đầu tư	24.000.000.000	12.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu	48%	48%
Tăng/giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	229.818.181	3.904.790.933
<b>Giá trị khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính</b>	<b>28.134.609.114</b>	<b>15.904.790.933</b>

(\*\*) Là khoản mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số CTG2232T2/01-1269, ngày phát hành là 20/7/2023 đến ngày 20/07/2033. Số lượng trái phiếu là 200.000 với giá trị là 20.000.000.000 VND Số trái phiếu này đang được cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Thành An.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	-	-
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>331.965.842.691</b>	<b>384.435.061.207</b>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	122.040.453.329	145.361.586.949
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội	3.113.328.000	3.113.328.000
Công ty cổ phần đầu tư MK Việt Nam	10.471.661.043	9.219.488.843
Công ty TNHH TM và XNK An Thịnh Phát	193.869.500	193.869.500
BQL dự án đầu tư XD công trình văn hóa - Xã hội TP. Hà Nội	871.902.000	840.402.000
Công ty TNHH Thương Mại Huy Hùng	-	14.776.637.834
Công ty cổ phần phát triển thương mại Bấy Lợi	12.087.636.197	8.271.093.697
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại Hải Phòng	8.827.553.000	-
Các khách hàng khác	174.359.439.622	202.658.654.384
<b>Cộng</b>	<b>331.965.842.691</b>	<b>384.435.061.207</b>

(\*) Trong đó các khoản trả trước được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>37.778.965.499</b>	<b>13.547.258.566</b>
Công ty TNHH Cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	6.528.221.900	7.589.479.100
PENSEUR INDUSTRIES SDN BHD (587108-T)	10.722.138.217	-
Các nhà cung cấp khác	20.528.605.382	5.957.779.466
<b>Cộng</b>	<b>37.778.965.499</b>	<b>13.547.258.566</b>

(\*\*) Trong đó các khoản trả trước được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>22.996.000.000</b>	-
Công ty CP May KLV Việt Nam	22.996.000.000	-
<b><i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b>12.100.000.000</b>	<b>20.600.000.000</b>
Bùi Văn Tú	5.000.000.000	5.000.000.000
Bùi Lệ Hằng	-	8.500.000.000
Ngô Thị Mỹ Nhật	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản cho vay khác	4.600.000.000	4.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.096.000.000</b>	<b>20.600.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>854.459.014</i>	-
<i>Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam</i>	<i>854.459.014</i>	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>16.884.774.995</b>	<b>5.151.625.759</b>
Tạm ứng	117.147.504	341.625.930
Ký cược, ký quỹ	828.271.335	114.377.642
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng	14.843.694.643	4.603.826.407
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.095.661.513	53.538.714
<b>Cộng</b>	<b>17.739.234.009</b>	<b>5.151.625.759</b>

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	19.549.757.422	-	25.137.921.055	-
Nguyên liệu, vật liệu	206.833.818.710	-	187.010.305.587	-
Công cụ, dụng cụ	524.098.880	-	413.884.400	-
Chi phí SXKD dở dang	1.929.572.825	-	3.120.673.425	-
Thành phẩm	3.197.141.782	-	3.188.731.782	-
Hàng hóa	476.137.124.849	(4.172.261.674)	505.488.149.404	(3.170.431.397)
Hàng gửi đi bán	18.975.581.066	-	16.041.992.697	-
<b>Cộng</b>	<b>727.147.095.534</b>	<b>(4.172.261.674)</b>	<b>740.401.658.350</b>	<b>(3.170.431.397)</b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng, thuê kho	-	-
Chi phí CCDC xuất dùng	196.387.303	538.426.341
Chứng nhận sản phẩm hợp quy	25.141.220	68.928.566
Chi phí bảo hiểm tài sản	47.542.250	130.344.474
Biển hiệu quảng cáo, kệ và vách trưng bày sản phẩm	1.170.182.477	3.208.237.296
Chi phí bảo trì phần mềm, thuế, hải quan	103.156.150	282.818.631
Tiền thuế đất, thuê đất	-	-
Chi phí thử nghiệm điện - điện tử	120.158.445	329.433.068
Chi phí quảng cáo	31.919.676	87.512.756
Chi phí trả trước khác	284.039.134	778.737.471
<b>Cộng</b>	<b>1.978.526.654</b>	<b>5.424.438.603</b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	980.511.148	1.656.738.598
Chi phí trả trước tiền thuê đất	434.803.587	734.673.835
Chi phí làm biển quảng cáo	3.969.400.770	6.706.970.627
Chi phí cải tạo sửa chữa	62.083.884	104.901.171
Chi phí bảo hiểm tài sản	-	-
Chi phí mua phần mềm	25.908.262	43.776.369
Chi phí trả trước khác	62.124.908	104.970.488
<b>Cộng</b>	<b>5.534.832.560</b>	<b>9.352.031.088</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thảng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	108.766.281.270	35.995.505.597	22.522.185.333	9.027.813.725	872.454.963	177.184.240.888
Mua trong kỳ	-	697.127.200	2.080.839.966	-	-	2.777.967.166
Thanh lý	-	-	(863.962.182)	-	-	(863.962.182)
Số cuối kỳ	<b>108.766.281.270</b>	<b>36.692.632.797</b>	<b>23.739.063.117</b>	<b>9.027.813.725</b>	<b>872.454.963</b>	<b>179.098.245.872</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	6.717.274.967	28.752.666.444	5.623.372.909	456.123.780	554.263.076	<b>42.103.701.176</b>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	33.708.846.683	29.241.713.203	15.980.417.841	1.044.050.380	766.888.363	80.741.916.470
Khấu hao trong kỳ	6.774.130.080	857.257.543	2.507.936.181	901.774.416	66.124.249	11.107.222.469
Thanh lý	-	-	(863.962.182)	-	-	(863.962.182)
Số cuối kỳ	<b>40.482.976.763</b>	<b>30.098.970.746</b>	<b>17.624.391.840</b>	<b>1.945.824.796</b>	<b>833.012.612</b>	<b>90.985.176.757</b>

Giá trị còn lại						
Số đầu năm	75.057.434.587	6.753.792.394	6.541.767.492	7.983.763.345	105.566.600	96.442.324.418
Số cuối kỳ	<b>68.283.304.507</b>	<b>6.593.662.051</b>	<b>6.114.671.277</b>	<b>7.081.988.929</b>	<b>39.442.351</b>	<b>88.113.069.115</b>

+ Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 69.905.398.839 VND và 17.139.048.515 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội bao gồm toàn bộ nhà xưởng phục vụ sản xuất điều hòa.  
+ Tài sản cố định là xe Mercedes, BKS 30F-840.98 và xe ô tô Mercedes-Benz BKS 30F-798.91 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.305.978.182 VND và 823.433.436 VND và Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.799.952.727 VND và 1.585.016.133 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

+ Tài sản cố định là xe Xe Fortune - 88A 08438 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 958.627.273 VND và hết khấu hao đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.614.795.919	3.372.212.600	7.987.008.519
Mua trong năm	-	700.000.000	700.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.614.795.919</b>	<b>4.072.212.600</b>	<b>8.687.008.519</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	133.962.600	133.962.600
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	1.621.856.231	1.621.856.231
Khấu hao trong kỳ	-	569.013.341	569.013.341
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>2.190.869.572</b>	<b>2.190.869.572</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	4.614.795.919	1.750.356.369	6.365.152.288
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.614.795.919</b>	<b>1.881.343.028</b>	<b>6.496.138.947</b>

Quyền sử dụng đất lâu dài, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khu đất công trình công cộng thuộc Khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo thửa đất số 125, tờ bản đồ số 101 theo Sổ phát hành BG 952425; Sổ vào sổ cấp GCN: CT09311 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/11/2011. Nguyên giá 4.614.795.919 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Á Châu- chi nhánh Đà Nẵng.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	573.780.000	319.453.886	(700.000.000)	193.233.886
Mua sắm tài sản NAHT		39.453.886		39.453.886
Chi phí làm phim quảng cáo, nhận diện thương hiệu	153.780.000			153.780.000
Phần mềm quản lý bảo hành	420.000.000	280.000.000	(700.000.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	40.000.000	668.696.548	(310.127.200)	398.569.348
Xây dựng biện pháp phòng chống hỏa chất	40.000.000	-		40.000.000
Máy móc thiết bị NAHT		668.696.548	(310.127.200)	358.569.348
<b>Cộng</b>	<b>613.780.000</b>	<b>988.150.434</b>	<b>(1.010.127.200)</b>	<b>591.803.234</b>

**12. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	23.178.234.895	26.450.456.292
Lợi thế thương mại phát sinh trong năm	-	
Phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí	(3.272.221.397)	(3.272.221.397)
<b>Cộng</b>	<b>19.906.013.498</b>	<b>23.178.234.895</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b><i>77.671.608.545</i></b>	<b><i>136.596.419.806</i></b>
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại thiết bị điện tử Minh Long	1.500.000.000	5.661.458.850
TCL Air Conditioner (Zhongshan) Co., LTD.	4.613.360.805	2.673.819.405
CJ Century Technology SDN.BHD	18.919.436.481	6.208.657.674
Nanjing TICA Climate Solutions Co., Ltd	169.294.538	-
NINGBO AUX ELECTRIC CO., LTD (Naga - USD)	11.233.249.816	3.222.933.950
Các nhà cung cấp khác	41.236.266.905	118.829.549.927
<b>Cộng</b>	<b><u>77.671.608.545</u></b>	<b><u>136.596.419.806</u></b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước của các bên liên quan</i></b>	<b><i>3.385.166.449</i></b>	<b><i>1.038.468.411</i></b>
Công ty Cổ phần May KLW Việt Nam	3.385.166.449	1.038.468.411
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>	<b><i>10.175.560.174</i></b>	<b><i>36.324.527.566</i></b>
BQL dự án đầu tư xây dựng quận Hai Bà Trưng	-	1.037.061.000
Công ty TNHH Thương Mại và Tư vấn Kỹ thuật - Cao	-	2.109.790.444
Các khách hàng khác	10.175.560.174	33.177.676.122
<b>Cộng</b>	<b><u>13.560.726.623</u></b>	<b><u>37.362.995.977</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.811.350.564	-	5.300.166.618	-	8.111.517.182	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.640.800.058	-	110.794.068.629	113.434.868.687	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.580.874.452	-	103.876.525.501	104.799.038.828	1.658.361.125	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.344.099	33.280.204.850	33.278.860.751	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.955.489.656	39.362.949	9.049.510.922	10.241.756.001	7.763.244.577	39.362.949
Thuế thu nhập cá nhân	1.052.970.479	-	1.733.956.918	2.462.384.500	324.542.897	-
Tiền thuế đất	-	-	660.773.930	662.488.772	-	1.714.842
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	67.464.604	53.797.937	13.666.667	-
Các loại thuế khác	431.059.554	-	85.335.071	163.003.795	353.390.830	-
<b>Cộng</b>	<b>18.472.544.763</b>	<b>40.707.048</b>	<b>264.848.007.043</b>	<b>265.096.199.271</b>	<b>18.224.723.278</b>	<b>41.077.791</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh điều hòa dưới 90.000 BTU với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Thuế nhà đất**

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	4.777.962.856	3.040.185.790
Chiết khấu hàng bán, chương trình khuyến mãi	2.407.500.000	225.219.010
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	49.033.967	19.374.159
<b>Cộng</b>	<b><u>7.234.496.823</u></b>	<b><u>3.284.778.959</u></b>

**17. Phải trả khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>129.782.821</b>	<b>382.931</b>
Công ty CP May KLV Việt Nam - Phải trả về lãi vay	129.782.821	382.931
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>3.191.112.769</b>	<b>2.610.259.894</b>
Kinh phí công đoàn	787.155.182	641.827.260
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.875.577.268	1.875.577.268
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	528.380.319	92.855.366
<b>Cộng</b>	<b><u>3.320.895.590</u></b>	<b><u>2.610.642.825</u></b>

**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	-	-	<b>6.002.000.000</b>	<b>6.002.000.000</b>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	-	-	6.002.000.000	6.002.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.137.306.992.519</b>	<b>1.137.306.992.519</b>	<b>974.282.289.358</b>	<b>974.282.289.358</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	385.276.762.665	385.276.762.665	387.313.009.352	387.313.009.352
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (2)	79.963.217.714	79.963.217.714	79.739.506.428	79.739.506.428
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (3)	306.424.549.728	306.424.549.728	382.088.494.422	382.088.494.422
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	-	17.656.192.000	17.656.192.000
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	33.745.501.839	33.745.501.839
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội	-	-	14.290.287.384	14.290.287.384
NH TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đồng Đa (4)	76.988.376.825	76.988.376.825	49.869.597.933	49.869.597.933
KASIKORNBANK – CN HCM (5)	187.337.034.666	187.337.034.666	-	-
NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM (6)	99.917.050.921	99.917.050.921	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân				
Bà Bùi Lệ Hằng	1.400.000.000	1.400.000.000	2.579.700.000	2.579.700.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.137.306.992.519</u></b>	<b><u>1.137.306.992.519</u></b>	<b><u>980.284.289.358</u></b>	<b><u>980.284.289.358</u></b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0103/2024-HĐCVHM/NHCT320-NAG với tổng mức cấp dư nợ vay và số dư bảo lãnh, L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Quyền sử dụng đất tại số thửa 46, tờ bản đồ 20 tại Xã Liên Phương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V930401 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo hợp đồng thế chấp tài sản số 50/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HungYen ký ngày 18 tháng 06 năm 2018.

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019.

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16 tại địa chỉ Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD537451 số GCN: 01674-2144 QĐ-UB do Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp ngày 21/12/2005 cho ông Đỗ Quách Cương. Ngày 17/4/2015 văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Hoàng Mai xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức Khả và bà Đào Thị Soi theo hồ sơ số 1181 ngày 14/4/2015 theo hợp đồng thế chấp số 02/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020.

+ Trái phiếu ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, mã trái phiếu: CTG2232T2/01 với tổng giá trị Trái phiếu 20.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số: 2007/2023/HĐBĐ/NHCT320-TP-NAGAKAWA lập ngày 20 tháng 07 năm 2023.

+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2021/HĐBĐ/NHCT/320-NAG ngày 25 tháng 02 năm 2021.

+ Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam theo hợp đồng thế chấp động sản số 2804/2021/HĐBĐ/NHCT320-MAYMOCKLV ngày 28 tháng 04 năm 2021.

+ Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66, thuộc chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0309/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAGAKAWA ký ngày 19 tháng 10 năm 2020.

+ Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa có giá trị 60.000.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 30/01/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2018/HĐTC/NHCT320-NAG-HTK ký ngày 06/02/2018. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HTK ngày 21/01/2020, các bên thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp là 101.508.541.889 VND.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DE 216785, số vào sổ cấp GCN: CS 31027 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/06/2022 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2022/HĐBĐ/NHCT320-CANHOR1 ký ngày 6/7/2022. Giá trị tài sản thế chấp là 8.815.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương

+ Bất động sản tại: Thửa 125, TĐĐ 101, Khu đất công trình công cộng thuộc Khu dân cư Trung Nghĩa, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng trị giá 8.199.200.000 VND.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng giá trị 94.420.546.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 198467.24.051.879737.TD ngày 01 tháng 04 năm 2024 với giá trị hạn mức tín

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

dụng là 130 tỷ; hạn mức cho vay 80 tỷ, hạn mức bảo lãnh thanh toán 20 tỷ, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán 50 tỷ, hạn mức phát hành L/C: 50 tỷ. Giới hạn giá trị cấp tín dụng đối với: Tổng giới hạn các hạn mức là 80 tỷ; hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán đối với lĩnh vực nhập linh kiện/thiết bị phục vụ việc lắp ráp tối đa 30 tỷ. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 20 tháng 04 năm 2024 kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 7 tháng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh các mặt hàng điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị bếp của khách hàng. Lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- + Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 272273 do UBND Quận Hoàng Mai cấp ngày 18/09/2007 cho bà Đào Thị Soi.
- + Quyền đòi nợ hình thành từ các Đề nghị thanh toán, Biên bản xác nhận đối chiếu công nợ; Hóa đơn GTGT cụ thể theo Hợp đồng thế chấp số 126540.23.051.879737.BD ngày 07/04/2023.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long- PGD Lê Trọng Tấn với tổng giá trị 29.800.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(3) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2024/367653/HĐTĐ ngày 15 tháng 09 năm 2024, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 400 tỷ đồng, hạn mức đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn theo hợp đồng 01/2022/367653/HĐTĐ ngày 30 tháng 08 năm 2022, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

- + Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ (theo hợp đồng thế chấp số 02/2019//367653/HĐBĐ ngày 18/09/2019).
- + Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2019/367653/HĐBĐ ngày 18/11/2019.
- + Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả theo Hợp đồng cầm cố số 02/2020/367653/HĐBĐ ngày 30/06/2020.
- + Thế chấp toàn bộ nhà xưởng tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 10, Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2021/367653/HĐBĐ ngày 26/05/2021.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với tổng giá trị 20.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với tổng giá trị 4.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt – Chi nhánh Đồng Đa Việt Nam theo hợp đồng số 7256129.24 ngày 07 tháng 03 năm 2024 với giới hạn cấp tín dụng không vượt quá 80.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh điều hòa, linh kiện điều hòa, thiết bị nhà bếp, thiết bị gia dụng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

- + Thế chấp các khoản phải thu đã hình thành từ Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Kinh tế Quốc tế Anh Vũ giá trị 46 tỷ đồng.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đồng Đa với tổng giá trị 25.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(5) Là khoản vay Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank- Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 143/2023/FA.01 ngày 27 tháng 12 năm 2023 với giới hạn cấp tín dụng không vượt quá 200.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 03 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh điều hòa, linh kiện điều hòa, thiết bị nhà bếp, thiết bị gia dụng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank- Chi nhánh Hồ Chí Minh với tổng giá trị 70 000 000 000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam theo hợp đồng số 1703LAV240112981 ngày 10/10/2024 với giới hạn cấp tín dụng 200 tỷ đồng. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày kí. Thời hạn vay không quá 06 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kì hạn tại Ngân hàng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	971.702.589.358	2.608.158.927.093	(2.443.954.523.932)	1.135.906.992.519
Vay ngắn hạn bên liên quan	6.002.000.000	5.000.000.000	(11.002.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	2.579.700.000	2.910.000.000	(4.089.700.000)	1.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>980.284.289.358</b>	<b>2.616.068.927.093</b>	<b>(2.459.046.223.932)</b>	<b>1.137.306.992.519</b>

#### 19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số sử dụng trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối năm
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	3.661.552.972	4.662.969.568	(7.768.090.720)	-	556.431.820
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.661.552.972</b>	<b>4.662.969.568</b>	<b>(7.768.090.720)</b>	<b>-</b>	<b>556.431.820</b>

#### 20. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	666.514.771	251.501.486	-	918.016.257
Quỹ phúc lợi	238.669.786	251.501.486	(104.344.908)	385.826.364
<b>Cộng</b>	<b>905.184.557</b>	<b>503.002.972</b>	<b>(104.344.908)</b>	<b>1.303.842.621</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thảng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**21. Vốn chủ sở hữu***a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	316.465.410.000	5.348.010.000	(20.000)	7.113.479.352	45.741.564.871	19.119.327.544	393.787.771.767
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(902.588.662)	(902.588.662)
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	(15.823.269.500)	-	(15.823.269.500)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	24.455.277.556	694.871.033	25.150.148.589
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.456.794.595	(2.007.773.052)	(19.837.114)	(570.815.571)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>316.465.410.000</b>	<b>5.348.010.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>8.570.273.947</b>	<b>52.365.799.875</b>	<b>18.891.772.801</b>	<b>401.641.246.623</b>
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Cổ đông thiểu số góp vốn	316.465.410.000	5.348.010.000	(20.000)	8.570.273.947	52.365.799.875	18.891.772.801	401.641.246.623
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	900.000.000	900.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	25.312.280.000	-	-	-	(25.312.280.000)	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	27.785.011.819	19.452.938	27.804.464.757
	-	-	-	1.257.507.429	(1.760.510.401)	-	(503.002.972)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>341.777.690.000</b>	<b>5.348.010.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>9.827.781.376</b>	<b>53.078.021.293</b>	<b>19.811.225.739</b>	<b>429.842.708.408</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****b) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.177.769	31.646.541
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	34.177.769	31.646.541
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.177.769	31.646.541
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.177.767	31.646.539
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.177.767	31.646.539

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ  
a, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	390,24	390,24

**b, Nợ khó đòi đã xử lý**

<b>Đối tượng</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000	47.723.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000	525.607.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000	283.250.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382	125.087.382	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Trảng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<u><b>1.116.279.409</b></u>	<u><b>1.116.279.409</b></u>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**  
*a, Tổng doanh thu*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.742.903.014.413	2.140.625.746.499
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	2.722.274.481.700	2.132.693.094.468
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	20.628.532.713	7.932.652.031
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(20.533.806.823)	(22.490.122.188)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(11.965.494.724)	(9.863.358.017)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(8.568.312.099)	(12.626.764.171)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.722.369.207.590</b>	<b>2.118.135.624.311</b>
<i>Trong đó:</i>	-	-
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i>	2.701.740.674.877	2.110.202.972.280
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	20.628.532.713	7.932.652.031

*b, Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam		4.689.520.364
<b>Cộng</b>		<b>4.689.520.364</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	2.428.970.199.126	1.808.597.431.166
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.832.902.586	5.301.994.629
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.001.830.277)	(4.169.301.132)
<b>Cộng</b>	<b>2.437.801.271.435</b>	<b>1.809.730.124.663</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	25.600.316.781	13.835.267.916
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.976.061.734	2.099.699.013
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	1.153.261.602	
<b>Cộng</b>	<b>29.729.640.117</b>	<b>15.934.966.929</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	66.485.256.716	75.384.010.583
Chiết khấu thanh toán cho người mua	10.341.881.902	3.098.969.331
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.418.595.627	3.034.414.486
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	406.401.833
Khác	-	3.450.000
<b>Cộng</b>	<b>80.245.734.245</b>	<b>81.927.246.233</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	31.570.661.680	33.448.271.162
Chi phí vật liệu, bao bì	101.492.000	62.033.771
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	982.629.909	1.172.473.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.260.720.486	3.431.867.771
Chi phí bảo hành	6.370.239.914	6.086.196.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.251.708.355	121.711.571.078
Các chi phí khác	12.042.618.275	11.814.851.197
<b>Cộng</b>	<b>158.580.070.619</b>	<b>177.727.264.997</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	23.365.749.344	27.183.990.884
Chi phí vật liệu quản lý	207.467.158	236.869.889
Chi phí đồ dùng văn phòng	567.408.911	870.123.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.035.138.842	2.251.517.634
Thuế, phí và lệ phí	24.713.544	49.933.333
Lợi thế thương mại	3.272.221.397	3.272.221.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.339.210.996	7.241.291.540
Dự phòng/hoàn nhập phải thu khó đòi	11.999.941	(597.721)
Các chi phí khác	5.091.882.899	7.755.732.440
<b>Cộng</b>	<b>37.915.793.032</b>	<b>48.861.083.290</b>

**7. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	136.363.636	5.149.676.909
NCC hỗ trợ phát triển thị trường	-	5.001.236.966
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	12.453.500	
Thu bồi thường bảo hiểm	83.552.868	
Tiền tài trợ	-	7.322.492.371
Thu nhập khác	871.031.429	274.528.962
<b>Cộng</b>	<b>1.103.401.433</b>	<b>17.747.935.208</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	13.412.737	196.980.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.846.798.383	610.219.572
Chi phí khác	534.629.644	943.400.907
<b>Cộng</b>	<b>2.394.840.764</b>	<b>1.750.600.479</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.494.357.226	32.031.665.068
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	10.813.806.576	16.730.042.145
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.813.806.576	16.730.042.145
<i>Xe ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng</i>	<i>384.321.816</i>	<i>384.321.816</i>
<i>Các khoản chi phí không hợp lý</i>	<i>2.225.592.421</i>	<i>461.902.171</i>
<i>Lỗ do công ty con quyết toán riêng</i>	<i>731.884.015</i>	
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	<i>640.633.302</i>	<i>310.000.000</i>
<i>Các khoản phạt truy thu thuế</i>	<i>-</i>	<i>607.309.253</i>
<i>Lợi thế thương mại</i>	<i>3.272.221.397</i>	<i>3.272.221.397</i>
<i>Lỗ phát sinh trong quá trình hợp nhất</i>	<i>3.559.153.625</i>	<i>11.694.287.508</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<i>Lãi phát sinh trong quá trình hợp nhất</i>		
Thu nhập chịu thuế	47.308.163.802	48.761.707.213
Lỗ các năm trước được chuyển	(4.478.147.125)	(3.386.382.468)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>42.830.016.677</b>	<b>45.375.324.745</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>8.566.003.334</b>	<b>9.075.064.949</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	127.913.216	187.200.689
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>8.693.916.550</b>	<b>9.262.265.638</b>

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.785.011.819	24.455.277.556
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(555.700.236)	(489.105.551)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(555.700.236)	(489.105.551)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.229.311.583	23.966.172.005
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	31.930.871	31.930.871
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>853</b>	<b>751</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ này được ước tính theo 2% lợi nhuận sau thuế.  
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	31.646.541	31.646.541
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm từ lợi nhuận	284.330	284.330
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>31.930.871</b>	<b>31.930.871</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

#### A, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	<u>Năm nay</u>
<b>Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam</b>	
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm, thuê kho	10.286.301.962
Thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm, thuê kho	12.633.000.000
Vay	5.000.000.000
Trả tiền cho vay	11.002.000.000
Cho vay	46.296.000.000
Thu tiền cho vay	23.300.000.000
Lãi tiền cho vay	854.459.014

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3; V.4; V.16; V.17; V.20; V.21; .

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Năm nay</b>								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.979.580.558.311	113.388.985.714	629.399.663.565	-				2.722.369.207.590
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.842.729.304.924	4.791.026.048	20.195.433.512	(1.867.715.764.484)				-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.822.309.863.235</b>	<b>118.180.011.762</b>	<b>649.595.097.077</b>	<b>(1.867.715.764.484)</b>				<b>2.722.369.207.590</b>
Chi phí bộ phận	(3.589.375.706.406)	(110.564.159.137)	(592.658.253.873)	1.854.796.847.981				(2.437.801.271.435)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	232.934.156.829	7.615.852.625	56.936.843.204	(12.918.916.503)				284.567.936.155
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								(196.495.863.651)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								88.072.072.504
Doanh thu hoạt động tài chính								29.729.640.117
Chi phí tài chính								(80.245.734.245)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết								229.818.181
Thu nhập khác								1.103.401.433
Chi phí khác								(2.394.840.764)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								(8.693.916.550)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								4.024.081
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>								<b>27.804.464.757</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ	Cộng
	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Trung	Miền Nam	Miền Nam	Miền Nam		
Số cuối kỳ								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.275.235.961.150	26.797.283.673	116.375.328.525	(703.051.944.637)	1.715.356.628.711			<u>1.715.356.628.711</u>
<i>Tổng tài sản</i>	1.688.051.073.306	26.623.866.337	123.801.786.831	(552.962.806.171)	1.285.513.920.303			<u>1.285.513.920.303</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận								
<i>Tổng nợ phải trả</i>	2.017.529.833.094	30.624.847.060	83.218.188.029	(540.381.538.810)	1.590.991.329.373			<u>1.590.991.329.373</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.461.995.610.850	30.489.641.231	90.971.986.874	(394.107.156.205)	1.189.350.082.750			<u>1.189.350.082.750</u>
<i>Tổng nợ phải trả</i>								

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

#### B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	1.137.306.992.519	-	-	1.137.306.992.519
Phải trả người bán	77.671.608.545	20.773.881.277	-	98.445.489.822
Các khoản phải trả khác	15.388.075.050	-	-	15.388.075.050
<b>Cộng</b>	<b>1.230.366.676.114</b>	<b>20.773.881.277</b>	<b>-</b>	<b>1.251.140.557.391</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	980.284.289.358	-	-	980.284.289.358
Phải trả người bán	136.596.419.806	-	-	136.596.419.806
Các khoản phải trả khác	14.233.309.695	-	-	14.233.309.695
<b>Cộng</b>	<b>1.131.114.018.859</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.131.114.018.859</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

### C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.254.547.544	46.548.089.328	141.254.547.544	46.548.089.328
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	276.625.754.419	218.663.624.959	276.625.754.419	218.663.624.959
Phải thu khách hàng	331.965.842.691	384.435.061.207	331.965.842.691	384.435.061.207
Các khoản cho vay	35.096.000.000	20.600.000.000	35.096.000.000	20.600.000.000
Các khoản phải thu khác	19.906.385.535	7.432.786.579	19.906.385.535	7.432.786.579
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	28.134.609.114	15.904.790.933	28.134.609.114	15.904.790.933
<b>Cộng</b>	<b>832.983.139.303</b>	<b>693.584.353.006</b>	<b>832.983.139.303</b>	<b>693.584.353.006</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	1.137.306.992.519	980.284.289.358	1.137.306.992.519	980.284.289.358
Phải trả người bán	77.671.608.545	136.596.419.806	77.671.608.545	136.596.419.806
Các khoản phải trả khác	15.388.075.050	14.233.309.695	15.388.075.050	14.233.309.695
<b>Cộng</b>	<b>1.230.366.676.114</b>	<b>1.131.114.018.859</b>	<b>1.230.366.676.114</b>	<b>1.131.114.018.859</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập ngày 24 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Trương Bình Dương

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Phượng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		<b>2.199.403.158</b>		<b>2.199.403.158</b>
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942
Hệ Kinh Doanh Điện Máy Thiên Đức	Trên 3 năm	235.294.153	Trên 3 năm	235.294.153
Công ty TNHH Điện cơ Điện lạnh Tường Hùng	Trên 3 năm	444.688.013	Trên 3 năm	444.688.013
Công ty TNHH Tổng hợp Phú Hoàng Thanh	Từ 2 năm đến 3 năm	39.540.493	Từ 2 năm đến 3 năm	39.540.493
Công ty Cổ phần GRB Việt Nam	Trên 3 năm	104.483.270	Trên 3 năm	104.483.270
Công ty Cổ phần Đầu tư VINAINCON	Trên 3 năm	195.550.000	Trên 3 năm	195.550.000
Công ty TNHH công nghệ và thương mại Minh Dũng	Từ 1 năm đến 2 năm	558.780.000	Từ 1 năm đến 2 năm	558.780.000
Công ty TNHH Sunviet	Từ 1 năm đến 2 năm	39.999.799	Trên 3 năm	39.999.799
Công ty TNHH Thương mại Minh Hiến	Đã thu hồi một phần	78.775.390	Đã thu hồi một phần	78.775.390
Cơ sở kinh doanh Nguyễn Văn Thảo	Đã thu hồi một phần	59.691.098	Đã thu hồi một phần	59.691.098
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>2.666.667.695</b>		<b>2.666.667.695</b>
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hoàn Kiếm	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000
Công ty Cổ phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699
Guangdong Sky bright Group Co.,Ltd	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.799.409	Khó có khả năng thu hồi	96.799.409
Công ty Cổ phần VIETPICTURES AUTO	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	17.230.400	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	17.230.400
<b>Cộng</b>		<b>4.866.070.853</b>		<b>4.866.070.853</b>
		<b>4.689.821.654</b>		<b>4.677.821.713</b>